

Hà Nội, ngày 07 tháng 3 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK**

- Kính gửi:**
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA (IRS)

Địa chỉ trụ sở chính: Số 30, Nguyễn Du, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 944 6666

Fax: (04) 3944 6969

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Trần Thị Thu Hương – Thành viên TT HĐQT.

Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin số 10/2014/UQ-IRS ngày 21 tháng 7 năm 2014.

Địa chỉ: Số 30, Nguyễn Du, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 944 6666

Fax: (04) 3944 6969

Loại thông tin công bố:

☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ Bất thường ☐ Theo yêu cầu ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin cần công bố:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia công bố về **Báo cáo tài chính riêng năm 2016 đã được kiểm toán và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31.12.2016 đã được kiểm toán.**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 07 tháng 03 năm 2017 tại đường dẫn: www.irs.com.vn/Gioi-thieu-IRS/IRS-cong-bo-thong-tin.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính riêng năm 2016 đã được kiểm toán;
- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31.12.2016 đã được kiểm toán.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ
HOÀNG GIA

Trần Thị Thu Hương

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG	06 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG	09 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	11 - 12
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	13
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	14 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng gia (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Thanh	Chủ tịch
Ông Lê Thanh Hà	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Hương	Thành viên thường trực

Ban Tổng giám đốc

Bà Trần Thị Thu Hương	Tổng giám đốc
Ông Phan Văn Huy	Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 04/02/2016)
Ông Đỗ Trung Sơn	Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 02/11/2016)
Bà Ngô Hà Chi	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán, các văn bản hướng dẫn áp dụng kế toán cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA



Trần Thị Thu Hương

Thành viên thường trực Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2017

Số : 65...-17/BC-TC/II-VAE

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng gia (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27/02/2017, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng của công ty chứng khoán và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.



Phạm Ngọc Toàn

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Đặng Thị Thu Huyền

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1410-2013-034-1

Mẫu số B01 - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130)	100		189.571.237.488	189.534.003.158
I. Tài sản tài chính	110		188.469.444.782	188.382.264.404
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	V.1.1.	153.774.105.339	149.670.521.612
1.1. Tiền	111.1		151.774.105.339	138.970.521.612
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		2.000.000.000	10.700.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	V.1.3.1	5.316.525	12.866.783
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	V.1.3.2	-	18.000.000.000
4. Các khoản cho vay	114	V.1.3.3	16.356.018.937	952.638.301
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	V.1.3.4	(1.646.321)	(5.517.627)
7. Các khoản phải thu	117	V.1.5.	121.483.471	758.599.998
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		121.483.471	758.599.998
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		121.483.471	758.599.998
8. Trả trước cho người bán	118		356.501.716	155.633.200
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	V.1.5.	28.817.765.065	29.774.696.137
12. Các khoản phải thu khác	122		39.900.050	62.826.000
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129	V.1.6.	(11.000.000.000)	(11.000.000.000)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		1.101.792.706	1.151.738.754
1. Tạm ứng	131		17.000.000	7.000.000
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	V.1.7.	46.196.297	28.296.131
6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136		1.038.596.409	1.116.442.623
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200		116.484.959.391	116.813.994.495
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		108.250.000.000	108.250.000.000
2. Các khoản đầu tư	212	V.1.11.	108.250.000.000	108.250.000.000
2.4. Đầu tư dài hạn khác	212.4		108.250.000.000	108.250.000.000
II. Tài sản cố định	220		761.212.672	1.008.219.431
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.1.9.	278.179.351	514.886.106
- Nguyên giá	222		4.371.204.212	4.371.204.212
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(4.093.024.861)	(3.856.318.106)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.1.10.	483.033.321	493.333.325
- Nguyên giá	228		2.876.699.470	2.696.699.470
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(2.393.666.149)	(2.203.366.145)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	250		7.473.746.719	7.555.775.064
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		345.196.628	295.196.628
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	V.1.7.	448.955.656	1.040.090.249
4. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	V.1.8.	6.679.594.435	6.220.488.187
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		306.056.196.879	306.347.997.653

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng này)

Mẫu số B01 - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		3.408.022.845	4.012.741.412
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		3.408.022.845	4.012.741.412
1.1. Vay ngắn hạn	312	V.1.21.	-	-
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	V.1.16.	-	2.165.732.480
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	V.1.17.	1.500.000	-
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		1.133.629.010	928.679.010
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	V.1.18.	891.728.241	680.275.049
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		7.010.934	13.705.339
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	V.1.19.	1.115.612.720	215.714.887
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	V.1.20.	258.541.940	8.634.647
II. Nợ phải trả dài hạn	340		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		302.648.174.034	302.335.256.241
I. Vốn chủ sở hữu	410		302.648.174.034	302.335.256.241
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		294.285.000.000	294.285.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		300.000.000.000	300.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		300.000.000.000	300.000.000.000
1.5 Cổ phiếu quỹ (*)	411.5		(5.715.000.000)	(5.715.000.000)
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		46.140.941	30.495.051
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		46.140.941	30.495.051
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417	V.1.25.	8.270.892.152	7.989.266.139
7.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		8.270.892.152	7.989.266.139
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		306.056.196.879	306.347.997.653

Mẫu số B01 - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
6. Cổ phiếu đang lưu hành	006		29.682.500	29.682.500
7. Cổ phiếu quỹ	007		317.500	317.500
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Công ty chứng khoán	008	V.1.12.	3.050.000	6.730.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	V.1.13.	825.829.580.000	380.426.870.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		772.269.190.000	355.822.120.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		34.846.470.000	13.740.110.000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		18.713.920.000	10.864.640.000
7. Tiền gửi của khách hàng	026		28.177.825.032	28.687.438.439
7.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	V.1.14.	28.176.803.042	28.686.583.439
7.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		1.021.990	-
7.4. Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán	030	V.1.15.	-	855.000
8. Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	V.1.22.	28.177.825.032	28.686.583.439
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		28.177.795.406	28.686.553.814
8.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		29.626	29.625
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	V.1.22.	-	855.000

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Khanh

Ngô Hà Chi

Trần Thị Thu Hương

Mẫu số B02 - CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		905.653.652	1.433.647.939
<i>c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.3</i>	<i>V.2.1.2</i>	<i>905.653.652</i>	<i>1.433.647.939</i>
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	V.2.1.2	1.678.900.019	401.067.611
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		8.073.974.303	8.242.287.673
1.8. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		2.536.546.130	1.709.764.373
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		304.822.104	261.894.060
1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		3.225.969.743	5.732.019.707
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11	V.2.1.3	1.303.124.142	828.208.449
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 → 11)	20		18.028.990.093	18.608.889.812
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		4.370.666	1.404.018
<i>a. Lỗ bán các tài sản tài chính</i>	<i>21.1</i>		<i>4.370.666</i>	<i>1.404.018</i>
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26		(3.871.306)	(1.101.426)
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	V.2.4.	7.176.622.697	6.178.558.938
2.9. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	V.2.4.	1.866.509.700	1.281.668.436
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	V.2.4.	393.549.843	312.312.818
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	V.2.4.	1.634.980.106	4.296.819.403
2.12. Chi phí các dịch vụ khác	32	V.2.2.	4.903.178	213.714.350
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 → 32)	40		11.077.064.884	12.283.376.537
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	42	V.2.3.	384.646.662	679.971.315
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 → 44)	50		384.646.662	679.971.315
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.2. Chi phí lãi vay	52	V.2.5.	20.767.288	-
Cộng chi phí tài chính (60 = 51 → 55)	60		20.767.288	-

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng này)

Mẫu số B02 - CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	V.2.6.	6.926.541.990	6.778.905.665
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 61 - 62)	70		389.262.593	226.578.925
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1 Thu nhập khác	71	V.2.7.	1.588.531	90.775
8.2 Chi phí khác	72	V.2.8.	87.117	2.200.000
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		1.501.414	(2.109.225)
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		390.764.007	224.469.700
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		390.764.007	224.469.700
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		-	-
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		77.846.214	49.751.064
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	V.2.9.	77.846.214	49.751.064
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90-100)	200		312.917.793	174.718.636
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		-	-
Tổng thu nhập toàn diện	400			
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500		10,43	12
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501		10,43	12
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502		-	-

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Khanh



Ngô Hà Chi



Trần Thị Thu Hương

Mẫu số B03b - CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01		390.764.007	224.469.700
2. Điều chỉnh cho các khoản	02		322.419.270	(270.129.471)
- Khấu hao TSCĐ	03		427.006.759	489.571.953
- Các khoản dự phòng	04		(3.871.306)	(1.101.426)
- Chi phí lãi vay	06		20.767.288	-
- Dự thu tiền lãi	08		(121.483.471)	(758.599.998)
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		-	-
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		-	-
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		3.570.400.450	4.561.914.056
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		7.550.258	1.183.818
- Tăng (giảm) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		18.000.000.000	(6.000.000.000)
- Tăng (giảm) Các khoản cho vay	33		(15.403.380.636)	11.476.922.365
(-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		637.116.527	(698.433.331)
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		956.931.072	(1.183.150.553)
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		22.925.950	(62.826.000)
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		(10.000.000)	(1.500.000)
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí	41		899.897.833	(313.437.640)
Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		573.234.427	949.083.480
(-) Lãi vay đã trả	44		(20.767.288)	-
Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		(199.368.516)	56.845.080
Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		(6.694.405)	5.489.179
Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		211.453.192	(480.922.372)
Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		(1.710.875.187)	884.426.277
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51		121.483.471	758.599.998
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(509.106.248)	(830.366.245)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		4.283.583.727	4.516.254.285
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(180.000.000)	(413.600.000)
3. Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	63		-	(79.900.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(180.000.000)	(80.313.600.000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71		-	165.000.000.000
3. Tiền vay gốc	73		11.681.600.000	-
3.2. Tiền vay khác	73.2		11.681.600.000	-

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng này)

Mẫu số B03b - CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2016	Năm 2015
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(11.681.600.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>80</i>		<i>-</i>	<i>165.000.000.000</i>
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		4.103.583.727	89.202.654.285
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101	V.1.1.	149.670.521.612	60.467.867.327
- Tiền	101.1		138.970.521.612	37.167.867.327
- Các khoản tương đương tiền	101.2		10.700.000.000	23.300.000.000
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103	V.1.1.	153.774.105.339	149.670.521.612
- Tiền	103.1		151.774.105.339	138.970.521.612
- Các khoản tương đương tiền	103.2		2.000.000.000	10.700.000.000

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		2.345.505.341.700	2.282.096.114.100
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(2.453.684.437.200)	(2.311.503.882.600)
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		2.453.684.437.200	2.311.503.882.600
8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách	08		(2.345.604.284.286)	(2.283.681.611.358)
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(393.549.843)	(312.312.818)
14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		26.654.056.329	13.740.643.157
15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(26.671.177.307)	(13.739.826.519)
<i>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</i>	<i>20</i>		<i>(509.613.407)</i>	<i>(1.896.993.438)</i>
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30		28.687.438.439	30.584.431.877
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý Trong đó có kỳ hạn	32	V.1.14.	28.686.583.439	30.584.431.877
Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35		855.000	-
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	40		28.177.825.032	28.687.438.439
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	V.1.14.	28.176.803.042	28.686.583.439
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách	43	V.1.14.	1.021.990	-
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45		-	855.000

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Khanh

Ngô Hà Chi

Trần Thị Thu Hương

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng này)

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B04 - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Năm 2015		Năm 2016					
		01/01/2015	01/01/2016	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	31/12/2015	31/12/2016
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.000.000.000	300.000.000.000	165.000.000.000	-	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		135.000.000.000	300.000.000.000	165.000.000.000	-	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ (*)		(5.715.000.000)	(5.715.000.000)	-	-	-	-	(5.715.000.000)	(5.715.000.000)
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		21.759.119	30.495.051	8.735.932	-	15.645.890	-	30.495.051	46.140.941
7. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		21.759.119	30.495.051	8.735.932	-	15.645.890	-	30.495.051	46.140.941
8. Lợi nhuận chưa phân phối		7.832.019.367	7.989.266.139	174.718.636	17.471.864	312.917.793	31.291.780	7.989.266.139	8.270.892.152
8.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		7.832.019.367	7.989.266.139	174.718.636	17.471.864	312.917.793	31.291.780	7.989.266.139	8.270.892.152
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng		137.160.537.605	302.335.256.241	165.192.190.500	17.471.864	344.209.573	31.291.780	302.335.256.241	302.648.174.034

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA



Nguyễn Thị Khanh

Ngô Hà Chi

Trần Thị Thu Hương

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của công ty chứng khoán**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 58/UBCK-GPHĐKD ngày 06 tháng 07 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Công ty đã có 04 lần điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động.

Theo Giấy phép điều chỉnh số 56/GPĐC-UBCK ngày 8/12/2015 và Giấy phép số 07/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 3 năm 2016 thì:

- Vốn điều lệ theo đăng ký: **300.000.000.000 VND (Ba trăm tỷ đồng).**
- Mệnh giá cổ phần: **10.000 đồng**

Điều lệ Công ty chứng khoán đã được ban hành năm 2007 và sửa đổi, bổ sung lần thứ 4 ngày 14/09/2015.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính doanh nghiệp./.

Trụ sở Công ty tại: Số 30 Nguyễn Du, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

3. Hạn chế đầu tư

Thực hiện theo điều 44 Thông tư 210/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30/11/2012 và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 210/2012/TT-BTC thì:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng là trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty chứng khoán.

- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của Công ty chứng khoán.

- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của Công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

+ Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của Công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;

+ Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;

+ Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;

+ Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;

+ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

- + Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh và;
- + Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp vào dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp vào dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - + Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện; và
 - + Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%).
- Trường hợp Công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc có biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của Công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, Công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán đối với Công ty chứng khoán theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC (Thông tư 334) ngày 27/12/2016 "Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán".

Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn chế độ kế toán Công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ("Thông tư 334") ngày 27/12/2016 "Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán". Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2016. Thông tư 210 và Thông tư 334 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán Công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng các thông tư trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

3. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 Công ty đã áp dụng Thông tư số 210/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210"), hướng dẫn chế độ kế toán công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ("Thông tư 334") ngày 27/12/2016 "Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán". Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Thông tư 210 và thông tư số 334 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán công ty chứng khoán ban hành theo thông tư 95/2008/QĐ-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động riêng và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 không so sánh được với số liệu tương ứng của Báo cáo tài chính năm 2015 do ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Công ty, tiền gửi của tổ chức phát hành và tiền bù thanh toán, bù trừ giao dịch chứng khoán, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản cho vay và phải thu.**2.1 Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty**

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty (FVTPL):

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (FVTPL) là các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời.

Các tài sản tài chính này thường gồm: cổ phiếu, trái phiếu, công cụ tiền tệ, công cụ phái sinh (với mục đích phòng ngừa rủi ro)

Tài sản tài chính được phân loại ra khỏi FVTPL trong trường hợp: tài sản tài chính là nợ cho vay hoặc phải thu nếu xác định mục đích sẽ là nắm giữ trong khoảng thời gian xác định trong tương lai hoặc đến khi đáo hạn hoặc tài sản tài chính là tiền gửi được phân loại sang nhóm tiền và tương đương tiền.

Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phải được phân loại lại vào FVTPL.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

2.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại các khoản đầu tư theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý

Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty (FVTPL)

Giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc). Các chi phí mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động riêng ngay khi phát sinh.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài chính FVTPL được phản ánh trên cơ sở thuần (bằng giá mua hoặc trừ chênh lệch giảm do đánh giá lại):

- Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn tài sản tài chính đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

- Các tài sản tài chính này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường.

2.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay và phải thu của nhà đầu tư được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên hợp đồng cho vay Margin, hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán và các chứng từ giao dịch thực tế.

3. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ**3.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán; Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC; Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/06/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản**Thời gian khấu hao (năm)**

- Phương tiện vận tải

06

- Thiết bị dụng cụ quản lý

05 - 07

3.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm quản lý giao dịch và phần mềm kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 20/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán; Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC; Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/06/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản

Phần mềm kế toán, phần mềm giao dịch

Thời gian khấu hao (năm)

04 - 05

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Khoản đầu tư dài hạn khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư này được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn.

5. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp và phải thu khác. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Các khoản phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp phát sinh từ các dịch vụ mà Công ty cung cấp cho nhà đầu tư.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính được ghi nhận căn cứ trên giá trị các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán, cho vay hoạt động margin, thời hạn vay, lãi suất vay.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Các chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm: công cụ dụng cụ phân bổ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

Chi phí trả trước dài hạn là công cụ dụng cụ có giá trị lớn, chi phí hoàn thiện văn phòng, hệ thống mạng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

7. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí giao dịch phải trả Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh, chi phí lương và các khoản chi phí khác thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

9. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty. Các cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia phân chia tài sản khi Công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do Công ty nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán. Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh là giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin...

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ, Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh theo Điều lệ hoạt động của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu, thu nhập của Công ty bao gồm: doanh thu cung cấp dịch vụ cho khách hàng và lãi tiền gửi ngân hàng phù hợp với quy định của Luật chứng khoán và doanh thu khác phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh của Công ty.

Doanh thu, thu nhập được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản quyền nhận không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng phải phù hợp với các nghiệp vụ kinh doanh quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty. Doanh thu dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được xác nhận là hoàn thành trên cơ sở đã được khách hàng thanh toán bằng tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc cam kết sẽ thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng. Doanh thu này bao gồm:

- Doanh thu về nghiệp vụ môi giới chứng khoán;
- Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính;
- Doanh thu từ các dịch vụ tài chính khác,

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Thu nhập từ lãi được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ dựa trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ phần lãi trước ngày mua chứng khoán nợ được hạch toán giảm giá vốn chứng khoán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là thu nhập khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu. Trong trường hợp này, Công ty không ghi nhận thu nhập mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Các nghiệp vụ mua và bán lại chứng khoán

Doanh thu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng theo thời hạn của hợp đồng mua và bán lại chứng khoán.

11. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác***Các nghĩa vụ về thuế******Thuế giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng các chính sách thuế theo quy định của các luật thuế hiện hành tại Việt Nam tại mỗi thời kỳ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các Báo cáo tài chính**1. Thuyết minh về Báo cáo tình hình tài chính riêng****1.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt tại quỹ	1.332.912.170	954.822.694
Tiền gửi ngân hàng	150.441.193.169	138.015.698.918
Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	10.700.000.000
Cộng	153.774.105.339	149.670.521.612

1.2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND
a) Cửa Công ty chứng khoán		
- Cổ phiếu	498	13.343.250
Cộng	498	13.343.250
b) Cửa Nhà Đầu tư		
- Cổ phiếu	359.984.479	4.812.785.537.900
Cộng	359.984.479	4.812.785.537.900

1.3. Các loại tài sản tài chính**1.3.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

Tài sản FVTPL	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	5.071.080	4.781.090	12.621.338	7.320.656
ACB	-	-	476.776	415.800
BVS	1.980.000	984.000	1.980.000	714.000
PVS	-	-	879.000	851.700
STB	127.448	85.050	127.448	117.900
CSM	15.909	20.250	75.000	74.100
PVX	-	-	700.000	111.600
SHN	-	-	1.700.000	1.105.000
VCG	169.890	67.500	2.820.180	937.900
DIG	187.778	38.250	187.778	45.500
KLS	-	-	1.372.000	646.800
DTL	15.867	61.200	60.200	57.400

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

PVI	-	-	865.556	865.556
TCM	223.800	174.000	160.000	160.000
SRC	38.538	69.600	142.000	142.000
SDC	550.400	1.247.000	550.400	550.400
VCS	-	-	525.000	525.000
SBT	-	269.500	-	-
TNG	39.000	36.900	-	-
PVD	112.250	103.500	-	-
TNA	319.500	287.500	-	-
HHS	25.250	18.200	-	-
HQC	38.320	18.240	-	-
CTG	62.400	60.200	-	-
EIB	66.780	63.000	-	-
SSI	38.800	39.200	-	-
ASM	72.750	73.500	-	-
BCI	63.750	68.400	-	-
DHC	106.350	112.500	-	-
HDG	108.000	119.250	-	-
HAG	33.250	37.450	-	-
PPC	69.250	83.500	-	-
VIC	398.000	420.000	-	-
SC5	48.200	55.400	-	-
MBB	159.600	168.000	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	245.445	15.200	245.445	28.500
MMC	245.445	15.200	245.445	28.500
Cộng	5.316.525	4.796.290	12.866.783	7.349.156

1.3.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Tài sản HTM	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2016	01/01/2016
Tiền gửi kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 1 năm	-	18.000.000.000
Cộng	-	18.000.000.000

1.3.3 Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay hoạt động Margin	11.984.803.047	11.984.803.047	75.204.320	75.204.320
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng	4.371.215.890	4.371.215.890	877.433.981	877.433.981
Cộng	16.356.018.937	16.356.018.937	952.638.301	952.638.301

Mẫu số B05 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

Đơn vị tính: VND

1.3.4 Tình hình lập dự phòng giảm giá các tài sản tài chính

STT	Loại Tài sản tài chính	Cơ sở lập dự phòng kỳ này				Giá trị lập dự phòng năm trước	Mức trích lập hoặc hoàn nhập năm nay
		Số lượng	Giá sổ sách kế toán	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC	Giá trị lập dự phòng năm nay		
I.	Tài sản tài chính FVTPL		5.316.525	3.670.204	(1.646.321)	(5.517.627)	3.871.306
	Cổ phiếu		5.316.525	3.670.204	(1.646.321)	(5.517.627)	3.871.306
	ACB	-	-	-	-	(60.976)	60.976
	BVS	60	1.980.000	984.000	(996.000)	(1.266.000)	270.000
	PVS	-	-	-	-	(27.300)	27.300
	STB	9	127.448	85.050	(42.398)	(9.548)	(32.850)
	CSM	1	15.909	15.909	-	(900)	900
	PVX	-	-	-	-	(588.400)	588.400
	SHN	-	-	-	-	(595.000)	595.000
	VCG	5	169.890	67.500	(102.390)	(1.882.280)	1.779.890
	DIG	5	187.778	38.250	(149.528)	(142.278)	(7.250)
	KLS	-	-	-	-	(725.200)	725.200
	DTL	2	15.867	15.867	-	(2.800)	2.800
	TCM	12	223.800	174.000	(49.800)	-	(49.800)
	SRC	4	38.538	38.538	-	-	-
	SDC	86	550.400	550.400	-	-	-
	TNG	3	39.000	36.900	(2.100)	-	-
	PVD	5	112.250	103.500	(8.750)	-	(2.100)
	TNA	5	319.500	287.500	(32.000)	-	(8.750)
	HHS	5	25.250	18.200	(7.050)	-	(32.000)
	HQC	8	38.320	18.240	(20.080)	-	(7.050)
	CTG	4	62.400	60.200	(2.200)	-	(20.080)
	EIB	7	66.780	63.000	(3.780)	-	(2.200)
	SSI	2	38.800	38.800	-	-	(3.780)
							-

Mẫu số B05 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

1.3.4 Tình hình lập dự phòng giảm giá các tài sản tài chính

Đơn vị tính: VND

STT	Loại Tài sản tài chính	Cơ sở lập dự phòng kỳ này				Giá trị lập dự phòng năm trước	Mức trích lập hoặc hoàn nhập năm nay
		Số lượng	Giá sổ sách kế toán	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC	Giá trị lập dự phòng năm nay		
	ASM	5	72.750	72.750	-	-	-
	BCI	3	63.750	63.750	-	-	-
	DHC	3	106.350	106.350	-	-	-
	HDG	5	108.000	108.000	-	-	-
	HAG	7	33.250	33.250	-	-	-
	PPC	5	69.250	69.250	-	-	-
	VIC	10	398.000	398.000	-	-	-
	SC5	2	48.200	48.200	-	-	-
	SBT	11	-	-	-	-	-
	MBB	12	159.600	159.600	-	-	-
	MMC	19	245.445	15.200	(230.245)	(216.945)	(13.300)
II.	Tài sản tài chính HTM						
	Tiền gửi kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 1 năm	-	-	-	-	-	-
III.	Các khoản cho vay và phải thu						
	Cho vay hoạt động Margin	-	16.356.018.937	16.356.018.937	-	-	-
	Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng	-	11.984.803.047	11.984.803.047	-	-	-
		-	4.371.215.890	4.371.215.890	-	-	-
Cộng		-	16.361.335.462	16.359.689.141	(1.646.321)	(5.517.627)	3.871.306

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

1.4. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Dự phòng các khoản tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi, lỗ	1.646.321	5.517.627
Cộng	1.646.321	5.517.627

1.5. Các khoản phải thu

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư</i>	<i>121.483.471</i>	<i>758.599.998</i>
Dự thu tiền lãi chưa đến ngày nhận	121.483.471	758.599.998
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	28.817.765.065	29.774.696.137
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	43.765.065	21.196.137
Phải thu về hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	28.469.000.000	28.469.000.000
- Nguyễn Hữu Tuấn	6.057.000.000	6.057.000.000
- Phạm Thanh Nam	22.412.000.000	22.412.000.000
Phải thu dịch vụ tư vấn tài chính	305.000.000	1.284.500.000
Cộng	28.939.248.536	30.533.296.135

(*) Chi tiết tại thuyết minh số V.1.6.

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B05 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

1.6. Dự phòng phải thu khó đòi

STT	Loại phải thu khó đòi cần trích lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Tham chiếu	Số dư dự phòng phải thu đầu năm (01/01/2016)	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số dư dự phòng phải thu cuối năm (31/12/2016)
1	Dự phòng nợ phải thu khác khó đòi						
	Dự phòng phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán	28.469.000.000		11.000.000.000	-	-	11.000.000.000
	Nguyễn Hữu Tuấn	6.057.000.000		2.340.335.101	-	-	2.340.335.101
	Phạm Thanh Nam	22.412.000.000		8.659.664.899	-	-	8.659.664.899
	Cộng	28.469.000.000		11.000.000.000	-	-	11.000.000.000

Đơn vị tính: VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

1.7. Chi phí trả trước

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	46.196.297	28.296.131
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	46.196.297	28.296.131
Dài hạn	448.955.656	1.040.090.249
Chi phí hoàn thiện văn phòng, hệ thống mạng	278.968.269	619.837.238
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	169.987.387	420.253.011
Cộng	495.151.953	1.068.386.380

1.8. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	4.379.664.292	4.286.290.259
Tiền lãi phân bổ trong năm	2.179.930.143	1.814.197.928
Cộng	6.679.594.435	6.220.488.187

1.9. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
			Cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2016	1.623.734.000	2.747.470.212	4.371.204.212
Số dư ngày 31/12/2016	1.623.734.000	2.747.470.212	4.371.204.212
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2016	1.482.051.500	2.374.266.606	3.856.318.106
Khấu hao trong năm	141.682.500	95.024.255	236.706.755
Số dư ngày 31/12/2016	1.623.734.000	2.469.290.861	4.093.024.861
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2016	141.682.500	373.203.606	514.886.106
Tại ngày 31/12/2016	-	278.179.351	278.179.351

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.957.604.212 VND.

1.10. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	Đơn vị tính: VND
		Cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2016	2.696.699.470	2.696.699.470
Mua trong năm	180.000.000	180.000.000
Số dư ngày 31/12/2016	2.876.699.470	2.876.699.470
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2016	2.203.366.145	2.203.366.145
Khấu hao trong năm	190.300.004	190.300.004

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

Số dư ngày 31/12/2016	2.393.666.149	2.393.666.149
Giá trị còn lại		-
Tại ngày 01/01/2016	493.333.325	493.333.325
Tại ngày 31/12/2016	483.033.321	483.033.321
		-

1.11. Các khoản đầu tư

Đầu tư dài hạn khác	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Ủy quyền cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Phú Điền đại diện góp vốn vào các dự án:				
+ Dự án xử lý nước thải Từ Sơn (i)	25.175.000.000	25.175.000.000	25.175.000.000	25.175.000.000
+ Dự án xử lý nước thải Cửa Lò (ii)	175.000.000	175.000.000	175.000.000	175.000.000
+ Dự án xử lý nước thải Tham Lương - Bến Cát (iii)	57.000.000.000	57.000.000.000	57.000.000.000	57.000.000.000
+ Dự án khu nhà ở xã Hương Mạc - Từ Sơn (iv)	22.900.000.000	22.900.000.000	22.900.000.000	22.900.000.000
Công ty CP Công nghiệp Khoáng sản Vị Xuyên (v)	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	108.250.000.000	108.250.000.000	108.250.000.000	108.250.000.000

Đơn vị tính: VND

(i) Khoản đầu tư vào Dự án xử lý nước thải Từ Sơn theo Quyết định số 29A/2010/QĐ-IRS ngày 10/5/2015 của Hội đồng quản trị. Theo đó, tổng số vốn đầu tư là 34,9 tỷ đồng, chiếm 5% tổng mức vốn của dự án.

(ii) Khoản đầu tư vào Dự án xử lý nước thải Cửa Lò theo Quyết định số 29B/2010/QĐ-IRS ngày 10/5/2015 của Hội đồng quản trị. Theo đó, tổng số vốn đầu tư là 2,9 tỷ đồng, chiếm 5% tổng mức vốn của dự án.

(iii) Khoản đầu tư vào Dự án xử lý nước thải Tham Lương - Bến Cát theo Hợp đồng BT 01 giữa TP HCM với Liên danh 3 bên. Theo đó, tổng số vốn đầu tư là 1.868 tỷ đồng, trong đó liên danh 3 bên góp 30% tổng mức vốn của dự án.

(iv) Khoản đầu tư vào khu nhà ở xã Hương Mạc - Từ Sơn theo Quyết định số 1726 ngày 31/12/2015 của chủ tịch UBND Tỉnh Bắc Ninh. Theo đó, tổng số vốn đầu tư là 229 tỷ đồng.

(v) Khoản đầu tư vào Công ty CP Công nghiệp khoáng sản Vị Xuyên theo Quyết định số 01/2008/QĐ-IRS ngày 01/09/2008 của Hội đồng quản trị. Theo đó, Công ty mua 300.000 cổ phần tại Công ty CP Công nghiệp khoáng sản Vị Xuyên, chiếm 10% vốn điều lệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

1.12. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Công ty chứng khoán

Tài sản tài chính	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	3.050.000	6.730.000
Cộng	3.050.000	6.730.000

1.13. Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	772.269.190.000	355.822.120.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	34.846.470.000	13.740.110.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	18.713.920.000	10.864.640.000
Cộng	825.829.580.000	380.426.870.000

1.14. Tiền gửi của Nhà đầu tư

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	28.176.803.042	28.686.583.439
1.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	28.176.773.416	28.686.553.814
1.2. Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	29.626	29.625
2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	1.021.990	-
Cộng	28.177.825.032	28.686.583.439

1.15. Tiền gửi của Tổ chức phát hành

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	-	855.000
Cộng	-	855.000

1.16. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải trả tiền đặt cọc mua cổ phần	-	2.165.732.480
Cộng	-	2.165.732.480

1.17. Phải trả người bán

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn		
Trần Thị Thu Hương	1.500.000	-
Cộng	1.500.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

1.18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Thuế GTGT hàng nội địa	91.064.481	234.069.008
Thuế thu nhập cá nhân	800.663.760	446.206.041
Cộng	891.728.241	680.275.049

1.19. Chi phí phải trả

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí giao dịch phải trả HNX và HOSE	145.243.679	53.914.887
Trích trước chi phí lương	629.569.041	-
Chi phí phải trả khác	340.800.000	161.800.000
Cộng	1.115.612.720	215.714.887

1.20. Phải trả, phải nộp khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn		
Phải trả hoa hồng môi giới	228.985.680	-
Phải trả khác	29.556.260	8.634.647
Cộng	258.541.940	8.634.647

1.21. Vay ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

Loại vay ngắn hạn	01/01/2016	Số vay trong năm	Số trả trong năm	31/12/2016
Vay ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (*)	-	11.681.600.000	11.681.600.000	-
Cộng	-	11.681.600.000	11.681.600.000	-

(*) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, số tiền vay 11.681.600.000 VND. Lãi suất vay trong hạn: 8%/năm.

1.22. Phải trả Nhà đầu tư

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
1. Phải trả nhà đầu tư - tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	28.177.825.032	28.686.583.439
- Của nhà đầu tư trong nước	28.177.795.406	28.686.553.814
- Của nhà đầu tư nước ngoài	29.626	29.625
2. Phải trả khác của Nhà đầu tư	-	855.000
- Của nhà đầu tư trong nước	-	855.000
- Của nhà đầu tư nước ngoài	-	-
Cộng	28.177.825.032	28.687.438.439

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

1.23. Phải trả của Nhà đầu tư về dịch vụ cho CTCK

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải trả phí môi giới chứng khoán	43.765.065	21.196.137
Phải trả phí tư vấn đầu tư	305.000.000	1.284.500.000
Phải trả về hợp đồng hợp tác đầu tư	28.469.000.000	28.469.000.000
Cộng	28.817.765.065	29.774.696.137

1.24. Phải trả vay Công ty chứng khoán của Nhà đầu tư

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
1. Phải trả nghiệp vụ Margin		
2. Phải trả gốc Margin	11.984.803.047	75.204.320
2.1 Phải trả gốc Margin của nhà đầu tư trong nước	11.984.803.047	75.204.320
2.2 Phải trả gốc Margin của nhà đầu tư nước ngoài	-	-
4. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	4.371.215.890	877.433.981
4.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	4.371.215.890	877.433.981
a. Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của nhà đầu tư trong nước	4.371.215.890	877.433.981
Cộng	16.356.018.937	952.638.301

1.25. Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	8.270.892.152	7.989.266.139
Cộng	8.270.892.152	7.989.266.139

1.26. Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Lãi đã thực hiện chưa phân phối năm trước	7.989.266.139	7.832.019.367
Lãi đã thực hiện năm nay	312.917.793	174.718.636
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến 31/12/2016	8.302.183.932	8.006.738.003
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	31.291.780	17.471.864
Quỹ Dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	15.645.890	8.735.932
Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	15.645.890	8.735.932
Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn	-	-
Thuế phải nộp tính trên thu nhập phân phối cho Nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu	-	-
Tổng thu nhập phân phối cho các cổ đông hoặc các thành viên góp vốn	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

(*) Thuyết minh về các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính riêng**1.27. Cổ phiếu đang lưu hành**

	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Loại <= năm	29.682.500	29.682.500
Loại > 1 năm	-	-
Cộng	29.682.500	29.682.500

1.28. Cổ phiếu quỹ

	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Loại <= năm	317.500	317.500
Loại > 1 năm	-	-
Cộng	317.500	317.500

1.29. Chứng khoán niêm yết lưu ký tại VSD

	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Loại <= năm	3.050.000	6.730.000
Loại > 1 năm	-	-
Cộng	3.050.000	6.730.000

1.30. Tiền gửi của nhà đầu tư

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền gửi của nhà đầu tư về hoạt động môi giới chứng khoán	28.176.803.042	28.686.583.439
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	28.176.803.042	28.686.583.439
- Tiền gửi của nhà đầu tư về ủy thác đầu tư	-	-
Tiền gửi của nhà đầu tư vãng lai	-	-
Cộng	28.176.803.042	28.686.583.439

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B05 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)

2. Thuyết minh về Báo cáo kết quả hoạt động riêng

2.1. Thu nhập

2.1.1 Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

Đơn vị tính: VND

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán Năm 2015
A	B	1	2	3=1*2	4	5=3-4	6	7
I	Cổ phiếu niêm yết			11.356.900	9.548.508	1.808.392	1.808.392	(1.404.018)
	VCS	49	118.600	5.811.400	525.000	5.286.400	5.286.400	-
	SHN	85	10.400	884.000	1.700.000	(816.000)	(816.000)	-
	VCG	78	15.500	1.209.000	2.650.290	(1.441.290)	(1.441.290)	-
	KLS	98	-	-	1.372.000	(1.372.000)	(1.372.000)	-
	TNG	1	11.900	11.900	13.000	(1.100)	(1.100)	-
	ACB	21	17.700	371.700	476.776	(105.076)	(105.076)	-
	PVX	36	1.800	64.800	700.000	(635.200)	(635.200)	-
	PVI	41	28.800	1.180.800	865.556	315.244	315.244	-
	PVS	51	21.300	1.086.300	879.000	207.300	207.300	-
	SRC	10	35.400	354.000	128.462	225.538	225.538	-
	CSM	10	22.400	224.000	159.091	64.909	64.909	-
	DTL	10	15.900	159.000	79.333	79.667	79.667	-
	HPC	-	-	-	-	-	-	(1.269.018)
	SEC	-	-	-	-	-	-	(135.000)
	Cộng			11.356.900	9.548.508	1.808.392	1.808.392	(1.404.018)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)***2.1.2 Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS****Các loại doanh thu hoạt động khác**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	905.653.652	1.433.647.939
Từ các khoản cho vay	1.678.900.019	401.067.611
Cộng	2.584.553.671	1.834.715.550

2.1.3 Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính**Các loại doanh thu hoạt động khác**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập hoạt động khác	1.303.124.142	828.208.449
Cộng	1.303.124.142	828.208.449

2.2. Chi phí ngoài chi phí các tài sản tài chính**Các loại chi phí hoạt động khác**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ khác	4.903.178	213.714.350
Cộng	4.903.178	213.714.350

2.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	384.646.662	679.971.315
Cộng	384.646.662	679.971.315

2.4. Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	7.176.622.697	6.178.558.938
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư CK	1.866.509.700	1.281.668.436
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	393.549.843	312.312.818
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	1.634.980.106	4.296.819.403
Cộng	11.071.662.346	12.069.359.595

2.5. Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	20.767.288	-
Cộng	20.767.288	-

2.6. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.083.199.031	4.505.769.856
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	508.305.310	794.241.292
Chi phí khấu hao TSCĐ	239.402.499	307.343.373
Chi phí thuế, phí, lệ phí	54.433.723	9.480.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.573.229.967	1.162.071.144
Chi phí bằng tiền khác	467.971.460	-
Cộng	6.926.541.990	6.778.905.665

2.7. Thu nhập khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Các khoản thu nhập khác	1.588.531	90.775
Cộng	1.588.531	90.775

2.8. Chi phí khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Các khoản chi phí khác	87.117	2.200.000
Cộng	87.117	2.200.000

2.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán hiện hành	77.846.214	49.751.064
Chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	77.846.214	49.751.064
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán hiện hành	77.846.214	49.751.064

3. Những thông tin khác**3.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

3.2 Thông tin về các bên liên quan*Thu nhập Ban giám đốc được hưởng trong kỳ*

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lương	940.435.000	1.204.500.000
Cộng	940.435.000	1.204.500.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo)***3.3 Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Và, Như trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 Công ty đã áp dụng Thông tư số 210/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”), hướng dẫn chế độ kế toán công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 “Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán”. Theo đó, một số số liệu của Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động riêng và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được phân loại, trình bày lại cho phù hợp với quy định của các thông tư này.

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc *th*

Nguyễn Thị Khanh

Ngô Hà Chi

Trần Thị Thu Hương